

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS- ST
Ngày: 23 – 9 – 2020.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thùy.
2. Ông Nguyễn Như Tạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 61/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: 35 B, phường C, quận D, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn C1, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Đắc Nông.

Địa chỉ: Đường 23/3, phường E, thành phố F, tỉnh Đắc Nông.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Lệ H – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch G, huyện I, tỉnh Đắc Nông – *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn 3, xã G, huyện I, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị X, sinh năm 1975
- Đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn J, xã K, huyện I, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, Ngân hàng TMCP A - chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch G (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị X ký kết Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 2018/3576053/HĐTD. Theo nội dung hợp đồng ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị X vay ngân hàng số tiền là 800.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, lãi suất điều chỉnh vào ngày đầu tiên mỗi quý, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày 20/3/2018 đến ngày 20/3/2019, tiền gốc trả làm 01 lần: Ngày 20/3/2019, lãi trả vào ngày 28 và 08 ngày tiếp theo kể từ ngày 28 hàng tháng. Đảm bảo cho số tiền vay, ông Phạm Văn T1 và bà Phạm Thị X đã ký hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2016/151210059/HĐBĐ ngày 15/3/2016 đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 65, diện tích 42.795,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 834994 đứng tên bà Phạm Thị X, do UBND huyện I cấp ngày 10/3/2016.

Từ khi vay đến nay ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị X đã trả tiền lãi là 42.612.355 đồng, chưa trả tiền nợ gốc. Như vậy ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc trả nợ nhưng ông bà vẫn không thực hiện mà còn bỏ đi khỏi địa phương. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Phạm Văn T1, bà Phạm Thị X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 2018/3576053/HĐTD ngày 20/3/2018, cụ thể: tiền nợ gốc là 799.900.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 245.340.688 đồng, trong đó lãi trong hạn là 178.686.007 đồng, lãi quá hạn là 66.654.681 đồng. Tổng cộng 1.045.240.688 đồng.

Đối với hợp đồng thế chấp: Trường hợp ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị X không trả theo hợp đồng tín dụng, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/151210059/HĐBĐ ngày 15/3/2016 theo quy định của pháp luật để để Ngân hàng thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không có mặt để làm việc. Vì vậy không có trình bày của bị đơn.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 27, 35 và 39 BLTTDS; đúng tư cách tham gia tố tụng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến

97 BLTTDS; Việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, còn bị đơn vắng mặt tại địa phương, mặc dù đã được Tòa án tiến hành niêm yết công khai nhưng vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng giữa các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị X trả số tiền 799.900.000 đồng tiền gốc và tiền lãi đến thời điểm xét xử, theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 2018/3576053/HĐTD ngày 20/3/2018 và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật, thì đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết*: Ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị X là bị đơn trong vụ án có địa chỉ trú tại thôn J, xã K, huyện I, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Sau khi triệu tập nhiều lần ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị X là bị đơn không có mặt làm việc, Tòa án đã tiến hành xác minh, kết quả cho thấy ông T1 bà X có đăng ký tạm trú tại thôn J, xã K, huyện I, tỉnh Đắk Nông nhưng hiện nay đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ tin tức. Khi đi ông bà cũng không thông báo cho Ngân hàng là bên có quyền biết địa chỉ nơi cư trú mới. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với ông T1 bà X theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn (ông T1 bà X) theo quy định

tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về nội dung yêu cầu khởi kiện:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 2018/3576053/HĐTD ngày 20/3/2018 hai bên xác định thời hạn vay là 01 năm, theo hợp đồng bị đơn phải trả nợ gốc và tiền lãi vào ngày 20/3/2019. Tuy nhiên, đến nay bị đơn chỉ trả được một phần tiền lãi là 42.612.355 đồng, chưa trả tiền nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Do vậy, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 2018/3576053/HĐTD ngày 20/3/2018 là có căn cứ. Cụ thể: Tiền nợ gốc là 799.900.000 đồng; tiền lãi gồm: tiền lãi suất trong hạn từ ngày 20/3/2018 đến ngày 20/3/2019 là 365 ngày x 799.900.000 đồng x 11% : 365 ngày = 87.989.000 đồng; Lãi quá hạn từ ngày 21/03/2019 đến ngày 23/9/2020 (ngày xét xử) là 546 ngày x 799.900.000 đồng x 16.5% : 365 ngày = 197.432.852 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 287.953.042 đồng, trừ số tiền lãi đã trả là 42.612.355 đồng. số tiền lãi còn phải trả là 245.340.688 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử (23/9/2020) là 1.045.240.688 đồng. Trong đó nợ gốc là 799.900.000 đồng và lãi suất chưa trả là 245.340.688 đồng và còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo lãi suất thỏa thuận ghi trong Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 2018/3576053/HĐTD ngày 20/3/2018 kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[5]. Về xử lý tài sản đảm bảo: Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/151210059/HĐBĐ ngày 15/3/2016 giữa bên thế chấp là ông Phạm Văn T1, bà Phạm Thị X và bên nhận thế chấp là Ngân hàng đối với thửa đất số thửa đất số 25, tờ bản đồ số 65, diện tích 42.795,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 834994 đứng tên bà Phạm Thị X, do UBND huyện I cấp ngày 10/3/2016 và tài sản trên đất có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 342, Điều 343; các Điều từ 715 đến 721 của Bộ luật Dân sự 2005. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/151210059/HĐBĐ ngày 15/3/2016 trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[8] Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 281, 290, khoản 2 Điều 305, 342, 344, 350, 355; 357, 715 và Điều 721 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Buộc ông Phạm Văn T1 và bà Phạm Thị X phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A - Phòng giao dịch G thuộc Chi nhánh tỉnh Đắk Nông tổng số tiền là **1.045.240.688đ** (*Một tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng*), gồm tiền nợ gốc là 799.900.000 đồng và tiền lãi suất chưa trả tính đến ngày xét xử (ngày 23/9/2020) là 245.340.688 đồng theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 2018/3576053/HĐTD ngày 20/3/2018.

- Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/9/2020) ông Phạm Văn T1 và bà Phạm Thị X còn phải tiếp tục chịu lãi suất đã thỏa thuận theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 2018/3576053/HĐTD ngày 20/3/2018 đối với số tiền nợ gốc chưa trả cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Trường hợp ông Phạm Văn T1 và bà Phạm Thị X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP A - Phòng giao dịch G thuộc Chi nhánh tỉnh Đắk Nông có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là thửa đất số 25, tờ bản đồ số 65, diện tích 42.795,7m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 834994 đứng tên bà Phạm Thị X, do UBND huyện I cấp ngày 10/3/2016 và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/151210059/HĐBĐ ngày 15/3/2016.

- Trường hợp tài sản thế chấp xử lý không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Phạm Văn T1 và bà Phạm Thị X phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A - Phòng giao dịch G thuộc Chi nhánh tỉnh Đắk Nông.

2. Về án phí:

Ông Phạm Văn T1 và bà Phạm Thị X phải nộp 43.357.220đ (*Bốn mươi ba triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Đắk Nông 17.998.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003205 ngày 24 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND H. Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS H. Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Anh Ứng